



# HƯỚNG XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP NGHI NHỒI MÁU CƠ TIM

*BS Đoàn Trang*

**Khoa Tim mạch**

**PKĐK HÒA HẢO**

## CHẨN ĐOÁN XÁC ĐỊNH NMCT CẤP

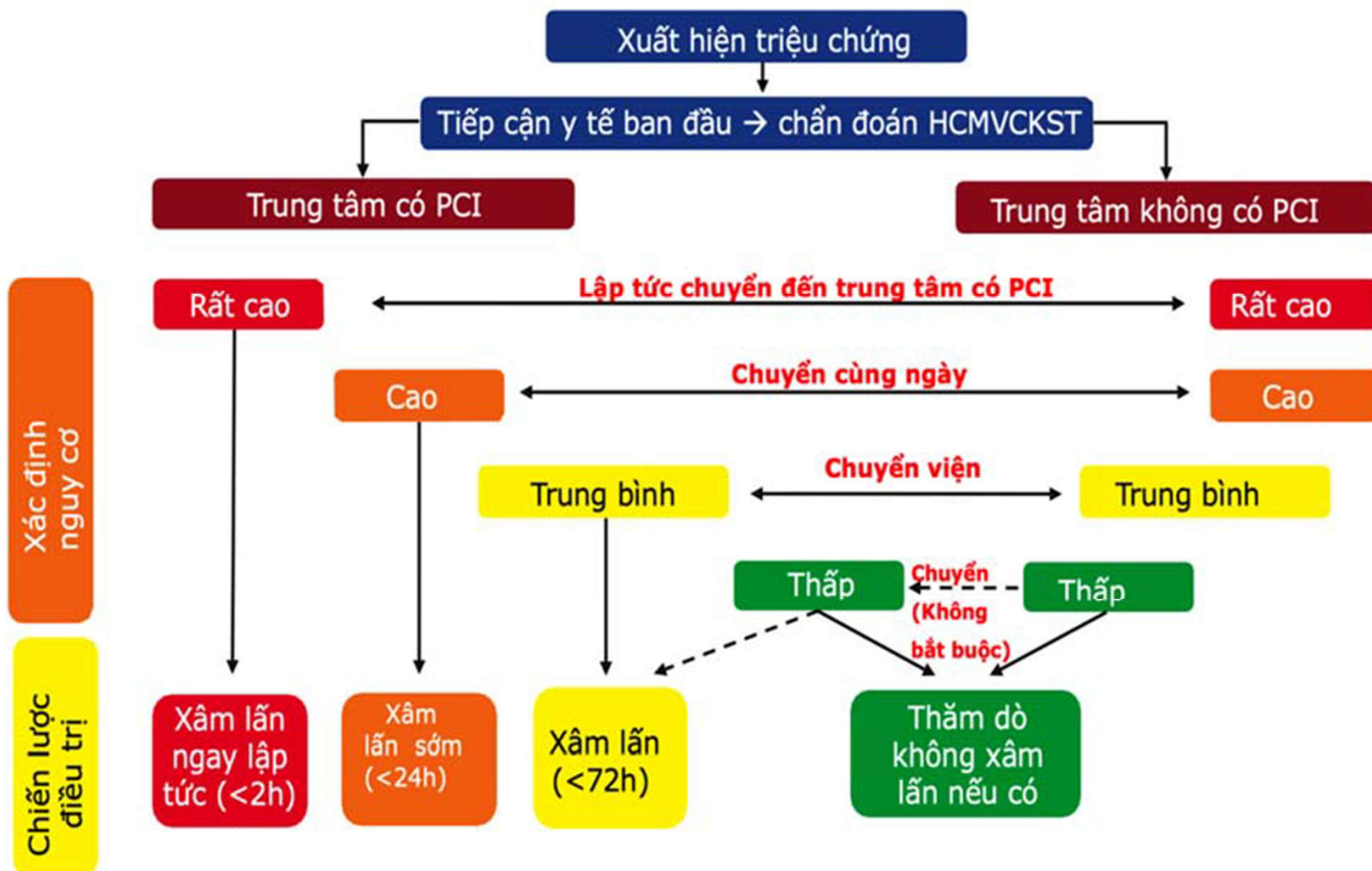
- (1) Men tim tăng( thường dùng Troponin) và kèm với ít nhất một trong các dấu hiệu sau:
- (2) Triệu chứng LS TMCB cơ tim.
- (3) ECG: xuất hiện sóng Q bệnh lý, ST chênh lên hay chênh xuống, block nhánh trái mới.
- (4) SIÊU ÂM TIM: bằng chứng hình ảnh học mất vùng cơ tim còn sống hay bất thường vận động mới.
- (5) Chụp mạch vành có tắc mạch.

## VAI TRÒ CỦA TROPONIN

- Chẩn đoán xác định và loại trừ NMCT
- Chỉ dẫn điều trị: can thiệp – theo dõi tình trạng bệnh, tiên lượng.
- Hiện nay thường sử dụng Troponin độ nhạy cao: Troponin T hs hoặc Troponin I hs, tuy nhiên độ nhạy tăng dẫn tới độ đặc hiệu giảm, làm cho nhiều BN không có tình trạng TMCT cấp tính (ACS) có nồng độ trên giá trị bình thường.
- Troponin tăng càng cao, khả năng NMCT càng cao .
- Tăng hơn 5 lần giới hạn trên giá trị tham khảo có giá trị tiên đoán dương cho NMCT cấp ( $> 90\%$  )
- Tăng đến 3 lần giới hạn trên giá trị tham khảo có giá trị tiên đoán dương cho NMCT cấp (50-60%)
- Cần đo Troponin nhiều lần để theo dõi động học khi nghi ngờ chẩn đoán NMCT, nên thực hiện sau 1-3 giờ nếu cần, và có thể làm thêm sau 6-12 giờ hoặc muộn hơn trong một số trường hợp.

# HƯỚNG DẪN CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ HỘI CHỨNG MẠCH VÀNH CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-BYT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)





## I. CA LÂM SÀNG 1

- BN nam, 57 tuổi, nhà ở Đà Lạt, BN cũ tái khám sau hơn 1 năm dịch bệnh. ( BN được điều trị tiểu đường tại PKTQ và tim mạch tại PK TIM)
- Hơn 1 năm nay BN tự mua toa thuốc cũ uống, đo huyết áp và test đường huyết ổn
- Vài tháng nay, thỉnh thoảng, BN có cơn lói ngực trái, vài giây
- BN ăn ngủ, sinh hoạt, tập thể dục bình thường, đã chích ngừa 3 mũi, chưa bị nhiễm Covid.
- BN đến PKTQ khoảng 7 giờ sáng

CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KIỂM TRA Y KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến  
http://medic.hnhs.vn  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



Qr code kết quả chữa bệnh án của quý khách. Mọi người không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác.



## PHIẾU KHÁM BỆNH

KHOA TỔNG QUÁT - PHÒNG: 12



Họ tên: [Redacted]  
Địa chỉ: [Redacted]  
Nghề nghiệp: [Redacted]

Năm sinh: 1965 - Nam  
ĐT: [Redacted]  
Số thẻ BHYT: [Redacted]

Huyết áp: 143/89; Mạch: 80; Nhiệt độ: 37 °C; Chiều cao: 163 cm; Cân nặng: 65 kg;  
Tiền sử bệnh: TIÊU ĐƯỜNG, GAN NHIỄM MỠ  
Lý do khám: TÁI KHÁM  
Lâm sàng: BỆNH NHÂN CŨ 2021  
KIỂM TRA  
Chẩn đoán sơ bộ: KIỂM TRA

### CHỈ ĐỊNH:

- SIÊU ÂM (3):** SA Bụng Tổng Quát Màu ; SA Tím Màu ; SA vùng cổ
- XQUANG (1):** XQ Lồng Ngực Thẳng [Film]
- ĐIỆN CHẨN ĐOÁN (1):** Điện tâm đồ (ECG)
- NỘI SOI (1):** SA 4 Chiều TRUS (Niệu)
- KHÁM BỆNH (1):** Khám Tổng Quát ✓

### XÉT NGHIỆM:

| Giờ  | Người lấy mẫu            |
|------|--------------------------|
| 7:30 | Đã XÉT NGHIỆM<br>H. Diêu |

VŨ NGỌC BẢO  
**292** 1965 M 30/05/2022  
PID: 70461

### TỔNG SỐ XÉT NGHIỆM: 21

☒ Máu ☒ Nước tiểu ☐ Đám ☐ Phân ☐ Dịch ☐ Khác

|                          |                       |                               |                 |
|--------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------|
| NFS (C.B.C)              | ALT (SGPT)            | HBsAg (Định Tính)             | HbA1C           |
| Glucose (FPG)            | Creatinine/máu (eGFR) | Anti HCV (Thế hệ 3)           | Troponin - T hs |
| AST (SGOT)               | Triglycerides         | Anti HBs                      | Ferritin        |
| Cholesterol Total        | Bilirubin (T / D / I) | TSH (Thế hệ 3)                |                 |
| LDLC                     | Uric acid             | Free T4                       |                 |
| Tổng Phân Tích Nước Tiểu | Ion đồ chung          | MicroAlbumin/Nước tiểu 24 giờ |                 |

### CD BỔ SUNG:

Dùng ứng dụng  
mobile banking  
quét QRCode  
để thanh toán:  
(Số HD: 318159,  
Số tiền: 2,735,000)



Ngày 30 tháng 05 năm 2022 -

Bác sĩ

[Signature]

CT

NI

T1

7/10/19

DIỆN TÂM ĐỒ - ĐIỆN TOÁN TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA MEDIC, 254 HÒA HẢO QUẬN 10 TP HCM

Họ tên : VŨ NGỌC BẢO

Mã BN : 70461-308

Tuổi : 57

Giới tính : M

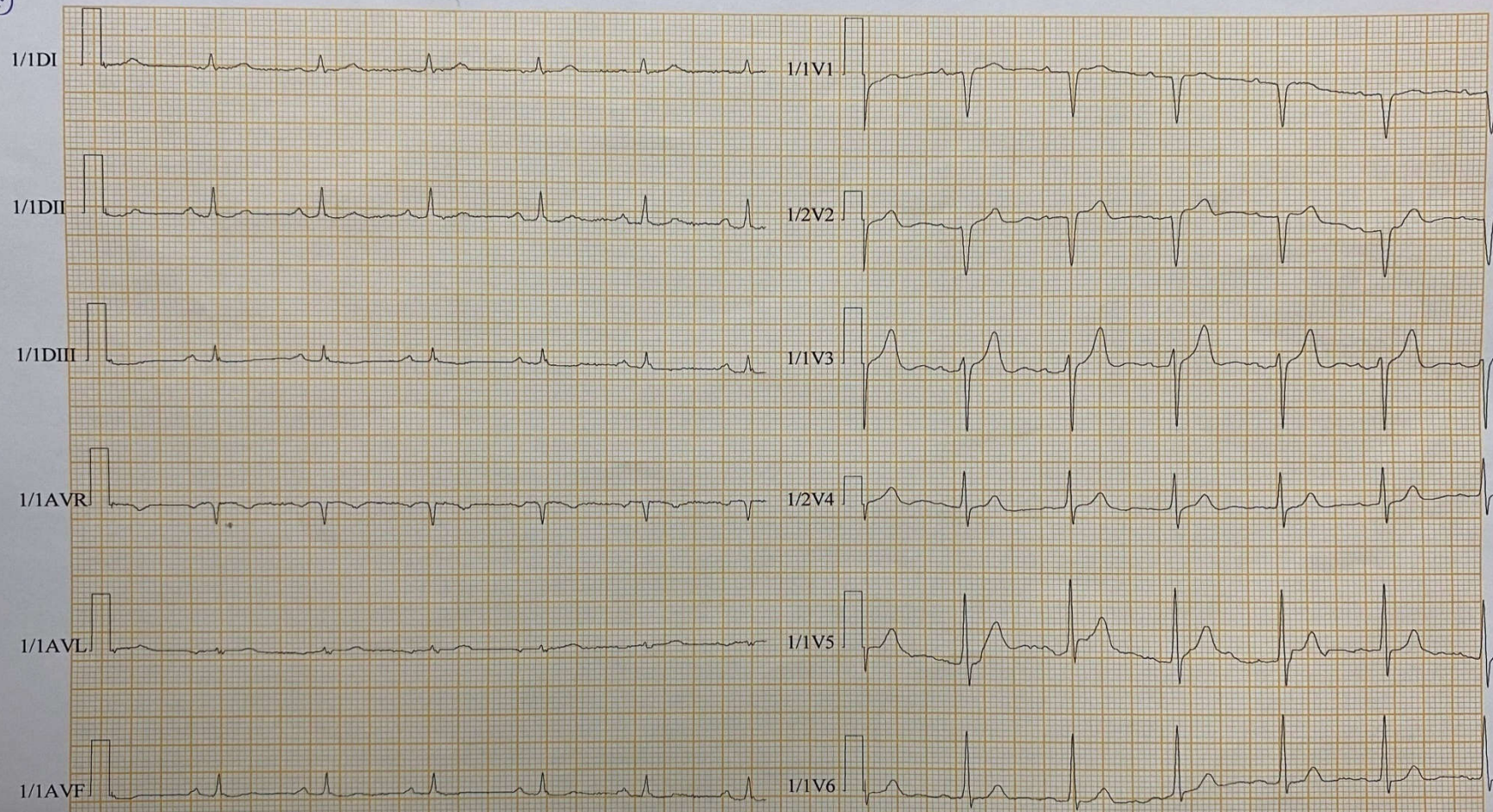
Cao : 163    Nặng : 65    HA : 140/80

Tốc độ : 25mm/s

Ngày : 30/ 5/2022

Giờ : 8:12

Chỉ định : - COSAT



THIẾU NĂNG VÀNH

GHI NHẬN DẠNG QS/ VÙNG TRƯỚC C VÁCH

THEO DÕI TRONG BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MÃN TÍNH

± NHỒI MÁU CƠ TIM TRƯỚC VÁCH

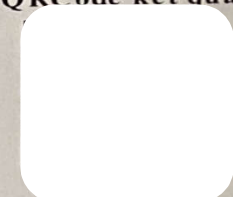
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/05/2022 08:45



# KẾT QUẢ SIÊU ÂM TIM MÀU

Máy : ALOKA -ProSound α6

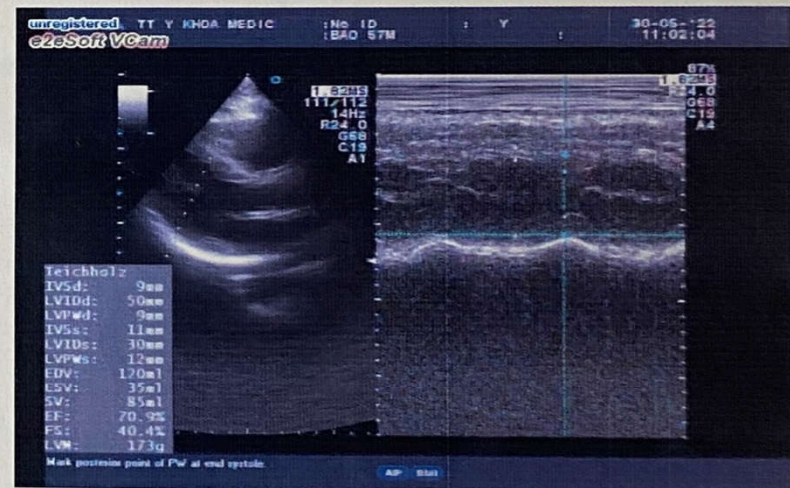
QRCode kết quả



ID : 70461 Ngày ĐK: 30/05/2022 08:16  
Họ và tên :  
Địa chỉ :  
Lâm sàng : TÁI KHÁM

## VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TIM MÀU

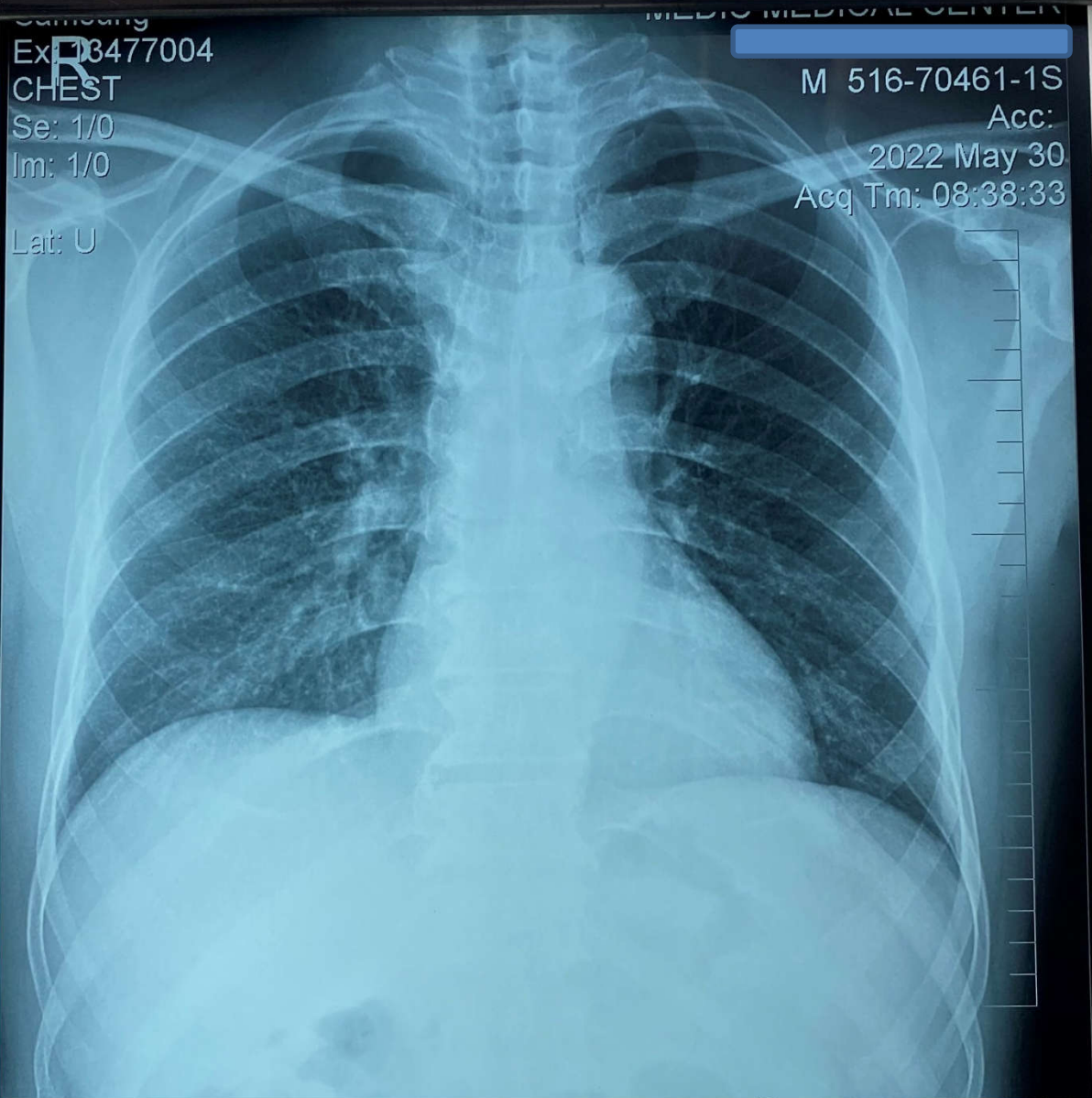
- 1- Các buồng tim trong giới hạn bình thường LVDd = 50 mm  
Loạn động vách liên thất và thành dưới. Chức năng thất trái bảo tồn EF= 70% ( Teichholz).  
Chức năng tâm thu thất phải TAPSE =20 mm
- 2- Van hai lá dày hở 1/4; Van ĐM chủ 3 mảnh , dày hở 1/4  
Động mạch chủ ngực kích thước bình thường.
- 3- Không tràn dịch màng tim.



**KẾT LUẬN :** THEO DÕI BỆNH TIM THIẾU MÁU CỤC BỘ  
HỞ VAN HAI LÁ 1/4, HỞ VAN ĐM CHỦ 1/4

**Đề nghị :**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/05/2022 11:21



Cảm nghĩ : **Bệnh tim mạch do xơ động mạch**  
Đề nghị : **kết hợp siêu âm tim, ECG**



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
Email: hoahaocliniclab@gmail.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 70461 S.T.T: 292  
Ngày giờ đăng ký: 07:19:45 30/05/2022  
Ngày giờ lấy mẫu: 07:32:00 30/05/2022  
Ngày giờ nhận mẫu: 07:32:00 30/05/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted]  
Ngày tháng năm sinh: 1965  
Số CCCD/Hộ chiếu:  
Địa chỉ: 80 Thông Thiên Học, P.2, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng.

Đơn vị: Medic

Nơi lấy mẫu:

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

Phái: Nam

Quốc tịch: [Redacted]

BS yêu cầu: BÙI.B.HUÂN (PK.TQ)/ 12  
Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                                                        | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU                | MÃ QT   |
|-----------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------|---------|
| <b>I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION</b>             |         |                                  |         |
| HbA1C (HPLC) <sup>1</sup> :                                           | *       |                                  | QTS012  |
| HbA1c (IFCC)                                                          | 48.42 H | (21.3 - 47.5 mmol/mol)           |         |
| HbA1c (NGSP)                                                          | 6.58 H  | (4.10 - 6.50 %A1C)               |         |
| NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU) <sup>1</sup> :                              | *       |                                  |         |
| WBC                                                                   | 8.17    | (4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L     | QTHH019 |
| % Neu                                                                 | 62.2    | (40 - 74 %)                      |         |
| % Lym                                                                 | 28.0    | (19 - 48 %)                      |         |
| % Mono                                                                | 6.0     | (3 - 9 %)                        |         |
| % Eos                                                                 | 3.1     | (0 - 7 %)                        |         |
| % Baso                                                                | 0.7     | (0 - 1.5 %)                      |         |
| # Neu                                                                 | 5.08    | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Lym                                                                 | 2.29    | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Mono                                                                | 0.49    | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Eos                                                                 | 0.25    | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| # Baso                                                                | 0.06    | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| RBC                                                                   | 5.05    | (3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L | QTHH020 |
| Hb                                                                    | 15.4    | (12 - 18 g/dL)                   | QTHH025 |
| Hct                                                                   | 45.1    | (35 - 52 %)                      |         |
| MCV                                                                   | 89.3    | (80 - 97 fL)                     |         |
| MCH                                                                   | 30.5    | (26 - 32 pg)                     |         |
| MCHC                                                                  | 34.1    | (31 - 36 g/dL)                   |         |
| RDW                                                                   | 11.8    | (11.0 - 15.7%)                   |         |
| PLT                                                                   | 214     | (130 - 400)10 <sup>9</sup> /L    | QTHH021 |
| MPV                                                                   | 9.5     | (6.30 - 12.0 fL)                 |         |
| <b>II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/URINE ANALYSIS</b> |         |                                  |         |
| URINARY ANALYSIS:                                                     | *       |                                  | QTVS044 |
| 1)Chemistry (Sinh Hóa) :                                              | *       |                                  |         |
| Glucose                                                               | NEG     | (mmol/L)                         |         |
| Bilirubin                                                             | NEG     | (μmol/L)                         |         |
| Ketone                                                                | NEG     | (mmol/L)                         |         |

Lấy máu tại nhà:

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012  
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm  
3. (\*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (\*\*) KQ báo động



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
Email: hoahaocliniclab@gmail.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 70461 S.T.T: 292  
Ngày giờ đăng ký: 07:19:45 30/05/2022  
Ngày giờ lấy mẫu: 07:32:00 30/05/2022  
Ngày giờ nhận mẫu: 07:32:00 30/05/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted]  
Ngày tháng năm sinh: 1965  
Số CCCD/Hộ chiếu:

Địa chỉ: 80 Thông Thiên Học, P.2, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng.

Đơn vị: Medic

Nơi lấy mẫu:

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

Phái: Nam

Quốc tịch: [Redacted]

BS yêu cầu: BÙI.B.HUÂN (PK.TQ)/ 12  
Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                      | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU    | MÃ QT  |
|-------------------------------------|---------|----------------------|--------|
| Spe-Gravity                         | 1.004 L | (1.005-1.030)        |        |
| Blood                               | NEG     | (NEGATIVE)           |        |
| pH                                  | 5.0     | (4.6-8.0)            |        |
| Protein                             | NEG     | (g/L)                |        |
| Urobilinogen                        | NEG     | (μmol/L)             |        |
| Nitrite                             | NEG     | (NEGATIVE)           |        |
| Leucocytes                          | NEG     | (NEGATIVE)           |        |
| Color                               | Yellow  |                      |        |
| Clarity                             | Clear   |                      |        |
| <b>2)Urine Sediment (Cặn Lắng):</b> |         |                      |        |
| Red Blood Cells                     | 1       | (particles/μL)       |        |
| Leucocytes                          | 1       | (0 - 15)             |        |
| Calcium oxalate monohydrate         | 0       | (0 - 15)             |        |
| Calcium oxalate dihydrate           | 0       | (0 - 6)              |        |
| Amor.Phosphate                      | 0       | (0 - 6)              |        |
| Uric acid                           | 0       | (0 - 6)              |        |
| Casts                               | 0       | (0 - 6)              |        |
| Epithelial Cells                    | 0       | (0 - 10)             |        |
| Bacteria                            | 1       | (0 - 130)            |        |
| <b>III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b> |         |                      |        |
| Bilirubin T <sup>2</sup>            | 0.870   | (0.10 - 1.10 mg/dL)  | QTS063 |
| Bilirubin D <sup>2</sup>            | 0.350   | (0.10 - 0.40 mg/dL)  | QTS063 |
| Bilirubin I                         | 0.520   | (0.20 - 0.70 mg/dL)  | QTS063 |
| IONOGRAMME <sup>2</sup> :           | *       |                      | QTS067 |
| Na                                  | 138.0   | (130 - 145 mmol/L)   |        |
| K                                   | 3.83    | (3.40 - 5.1 mmol/L)  |        |
| Ca                                  | 2.47    | (2.1 - 2.80 mmol/L)  |        |
| Cl                                  | 104.0   | (96 - 108 mmol/L)    |        |
| CRO.ALB/Urine (Quantitative):       | *       |                      |        |
| Micro Albumine/CRE                  | 56.85 H | (< 30 mg/g)          | QTS099 |
| Glucose (mmol/L) (FPG) <sup>1</sup> | 5.04    | (3.90 - 5.90 mmol/L) | QTS001 |

Lấy máu tại nhà:

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012  
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm

Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                                   | KẾT QUẢ          | KHOẢNG THAM CHIẾU                  | MÃ QT     |
|--------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|-----------|
| Glucose (mg/dL)                                  | 90.72            | (70 - 106 mg/dL)                   |           |
| SGOT (AST) <sup>1</sup>                          | 23.50            | (< 35 U/L)                         | QTSH005   |
| SGPT (ALT) <sup>1</sup>                          | 18.65            | (3 - 30 U/L)                       | QTSH013   |
| Uric Acid/Serum <sup>1</sup>                     | 6.47             | (M : 3.4-7.0; F : 2.4-5.7mg/dL)    | QTSH014   |
| Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)                        | *                |                                    |           |
| Creatinin/Serum <sup>2</sup>                     | 0.800            | (M: 0.6 - 1.3; F:0.5 - 1.1 mg/dL)  | QTSH027   |
| eGFR (CKD-EPI)                                   | 99               | (≥ 90 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> ) |           |
| LDL Cholesterol <sup>2</sup>                     | 1.58             | (< 3.60 mmol/L)                    | QTSH093   |
| Triglycerides <sup>1</sup>                       | 1.14             | (0.5 - 2.30 mmol/L)                | QTSH015   |
| Cholesterol, Total <sup>1</sup>                  | 3.32             | (2.6 - 5.2 mmol/L)                 | QTSH003   |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>                |                  |                                    |           |
| TSH 3-Ultra (Siemens) <sup>1</sup>               | 0.815            | (0.51 - 4.94 μIU/mL)               | QTMD009   |
| Free T4 <sup>2</sup>                             | 1.52             | (0.71 - 1.85 ng/dl)                | QTMD036   |
| HBsAg (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>      | NEG Index <0.100 | (Index <1; S/Co <1)                | QTMD017   |
| Anti HBs (Định lượng, quantitative) <sup>2</sup> | <3.10            | (≥ 10 mUI/mL)                      | QTMD123   |
| Anti HCV (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>   | NEG Index 0.030  | (S/Co < 1; Index < 1)              | QTMD018   |
| Ferritin <sup>1</sup>                            | 169.6            | (M:22-400; F:4.6-291 ng/ml)        | QTMD010   |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup>               | 19.20 H          | (< 14 ng/L)                        | QTMD016.3 |



In lần 1 : 08:30:48 30/05/2022

Khoa Xét nghiệm *h*

Nơi lấy mẫu:

Loại mẫu: Máu

BS yêu cầu: VŨ.B.Đ.TRANG (PK.TIM)

Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                     | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU | MÃ QT     |
|------------------------------------|---------|-------------------|-----------|
| <b>I. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>   |         |                   |           |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup> | 7.94    | (< 14 ng/L)       | QTMD016.3 |

**Trong tổn thương cơ tim tối thiểu:  
troponin tăng nhẹ và nhanh chóng  
về bình thường. ( 48g)**

In lần 1 : 14:58:01 30/05/2022

Khoa Xét nghiệm *h*

# MEDIC CT SCAN REPORT



: 220530260 Ngày ĐK : 30/05/2022 14:39

: BS. CKI. VŨ BÍCH ĐOAN TRANG Bệnh viện : MEDIC Khoa : PK

: MEN TIM TĂNG

: CT Mạch Vành Máy : MSCT 640 \_1 Tiêm chất tương phản

: Chụp MSCT mạch vành cản quang với máy 640- Slice MSCT Aquilion One, lát cắt 0.5mm, thuốc cản quang 70ml XENETIX, bơm tĩnh mạch, tốc độ bơm 5ml/sec. Liều tia 2,2mSv

- ĐMV trái chính ( LM ): Không thấy xơ vữa, không hẹp.
- ĐMV xuống trước trái ( LAD ): Xơ vữa không vôi hóa đoạn gần, xơ vữa kèm vôi hóa giữa gây hẹp 80% LAD I, 60% LAD II. Nhánh diagonal không hẹp.
- Nhánh Ramus Intermedius: Không thấy xơ vữa, không hẹp.
- ĐMV mũ ( LCX ): Xơ vữa kèm vôi hóa đoạn gần và giữa gây hẹp 40% LCX I, 60% LCX II. Nhánh OM không hẹp.
- ĐMV phải ( RCA ): Xơ vữa không vôi hóa đoạn giữa gây hẹp 30% RCA II. Nhánh PL không hẹp.

## \* GHI NHẬN:

- Nhân giáp thùy trái.

## \*\*\* KẾT LUẬN:

CHỤP MSCT- 640 HỆ MẠCH VÀNH CÓ CẢN QUANG CHO THẤY :

- XƠ VỮA VÀ VÔI HÓA ĐỘNG MẠCH VÀNH GÂY HẸP:
- HẸP 80% LAD I, HẸP 60% LAD II
- HẸP 40% LCX I, 60% CUỐI LCX II
- HẸP 30% RCA II

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/05/2022 19:00

# CTY TNHH Y TẾ HÒA HẢO

(PHÒNG KHÁM ĐA KHOA) MEDIC HCM

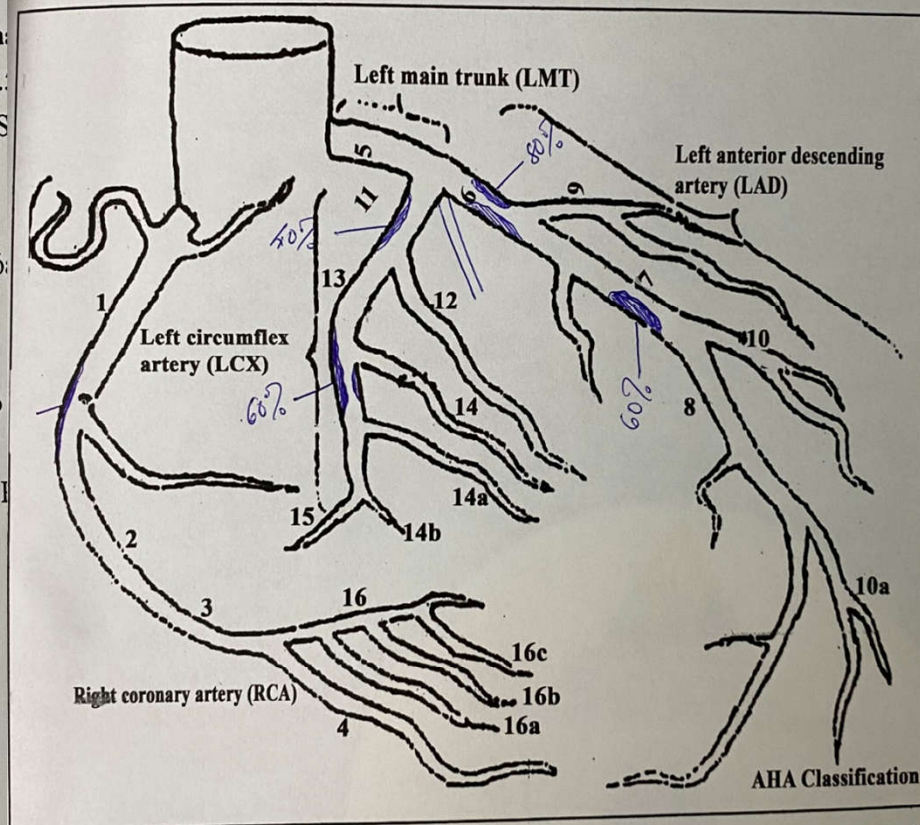
254 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP.HCM

ĐT: 84.28.39270284 - 84.28.39272136

Email: hoahao254@medic.com.vn – Web: www.medic.com.vn

Ông / Bà : ..... Năm sinh : 1974

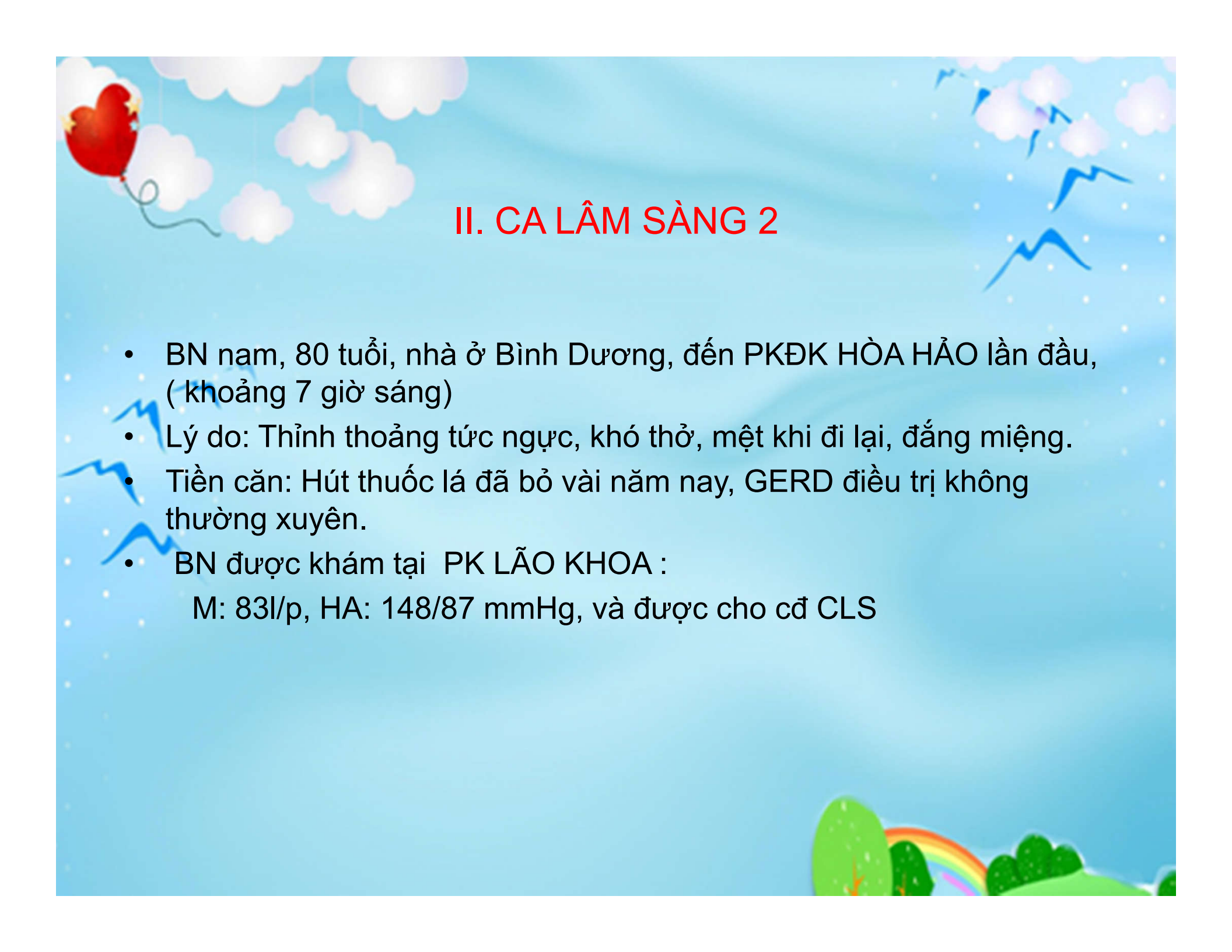
ID : 701461 .....ĐT: ..... Ngày : 30/05/2022



- MSCT AQ-640 Toshiba
- Lowdose Radiation
- Cản quang : Ultravist

Nhân giáp thùy trái

Đến Thủ y sinh 10/3/2022



## II. CA LÂM SÀNG 2

- BN nam, 80 tuổi, nhà ở Bình Dương, đến PKĐK HÒA HẢO lần đầu, (khoảng 7 giờ sáng)
- Lý do: Thỉnh thoảng tức ngực, khó thở, mệt khi đi lại, đắng miệng.
- Tiền căn: Hút thuốc lá đã bỏ vài năm nay, GERD điều trị không thường xuyên.
- BN được khám tại PK LÃO KHOA :  
M: 83l/p, HA: 148/87 mmHg, và được cho cỡ CLS



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P. 4, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn



KHOA LÃO KHOA  
Phòng: 5

## PHIẾU KHÁM BỆNH

Họ tên

Địa chỉ

Bình Dương

Nghề nghiệp: Cao tuổi

Năm sinh: 1942 - Nam

Đ

Số thẻ BHYT:

Huyết áp: 148/87; Mạch: 83; Nhiệt độ: 37 °C; Chiều cao: 150 cm; Cân nặng: 50 kg;

Tiền sử bệnh: HÚT THUỐC LÁ (BỎ)/TRÀO NGƯỢC DẠ DÀY THỰC QUẢN

Lý do khám: XIN KHÁM TỔNG QUÁT

Lâm sàng: THÌNH THOẢNG, TỨC NGỰC, KHÓ THỞ, MỆT KHI ĐI LẠI, ĐĂNG MIỆNG

Chẩn đoán sơ bộ: XIN KIỂM TRA SỨC KHỎE

### CHỈ ĐỊNH:

1. SIÊU ÂM (2): SA Bụng Tổng Quát Màu; SA Tim Máu

2. XQUANG (2): XQ Cột Sống Thắt Lưng T/N [In Giấy]; XQ Lồng Ngực Thẳng [In Giấy]

3. ĐIỆN CHẨN ĐOÁN (1): Điện tâm đồ (ECG) thường

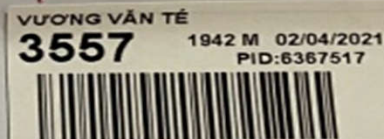
4. KHÁM BỆNH (1): Khám CK Lão Khoa

5. KHÁC (1): Chức năng hô hấp 1 lần không bronchodilator test

### XÉT NGHIỆM:

| Giờ  | Người lấy mẫu           |
|------|-------------------------|
| 7:40 | ĐÃ XÉT NGHIỆM<br>H.Điệu |

TỔNG SỐ XÉT NGHIỆM: 24



|                          |                       |                                |                          |
|--------------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------------|
| NFS (C.B.C)              | ALT (SGPT)            | Ion đồ chung                   | Pro BNP                  |
| Glucose (FPG)            | Creatinine/máu (eGFR) | TSH (Thế hệ 3)                 | A.F.P                    |
| AST (SGOT)               | Triglycerides         | Free T4                        | PSA                      |
| Urea / BUN               | hsCRP                 | HbA1C                          | Strongyloides IgG        |
| LDL.C                    | GGT                   | Test H.Pylori C13 (XN Hơi Thở) | Toxocara canis IgG       |
| Tổng Phân Tích Nước Tiểu | Uric acid             | Troponin - T hs                | Vs (ESR) Tốc Độ Lắng Máu |

### CHỈ ĐỊNH BỔ SUNG:

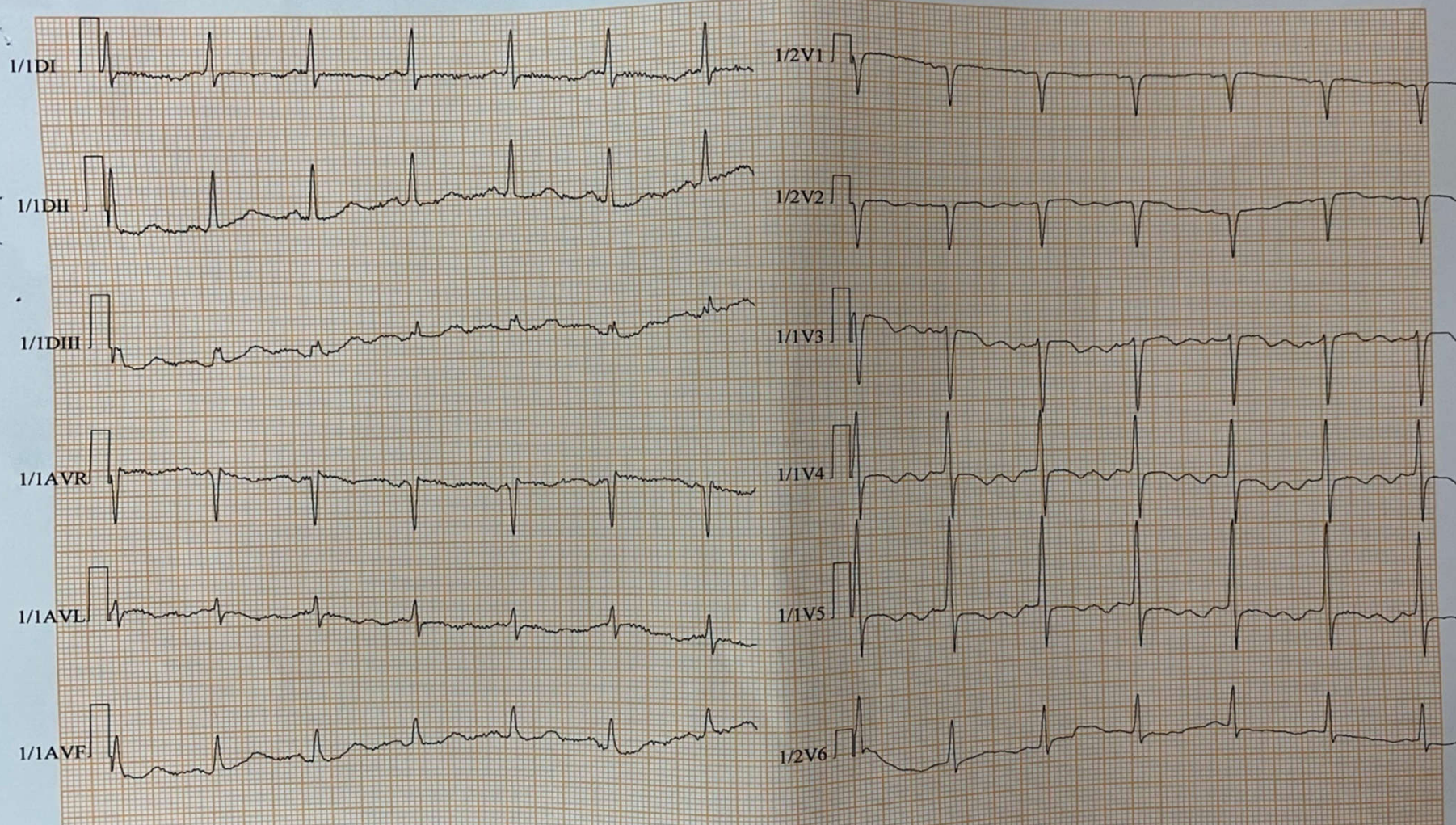
→ Khám Tim Mạch

Ngày 02 tháng 04 năm 2021 - 07:09

Bác sĩ chuyên khoa

ĐIỆN TÂM ĐỒ - ĐIỆN TOÁN TRUNG TÂM Y KHOA MEDIC, 254 HÒA HẢO QUẬN 10 TP HCM  
Họ tên : XXXXXXXXXX Tuổi : 79  
Cao : 150 Nặng : 50 HA : 148/87 Mã BN : 6367517-56 Ngày : 2/ 4/2021  
Chỉ định : = Tốc độ : 25mm/s

Giới tính : M  
Giờ : 8: 0



KẾT LUẬN : THIẾU MÁU CƠ TIM  
THEO DÕI NHỒI MÁU CƠ TIM VÙNG TRƯỚC VÁCH  
XN MEN TIM

Máy : ALOKA -ProSound α6



[Quét QR Code để xem KQ]

Địa chi

Lâm sàng : XIN KHÁM TỔNG QUÁT

1- Các buồng tim trong giới hạn bình thường LVDd = 41 mm

Loan động vách liên thất và thành dưới. Chức năng thất trái bảo tồn EF= 65 % ( Teichholz).

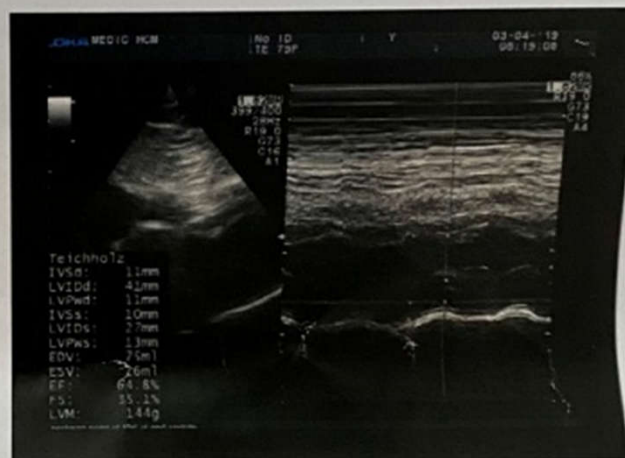
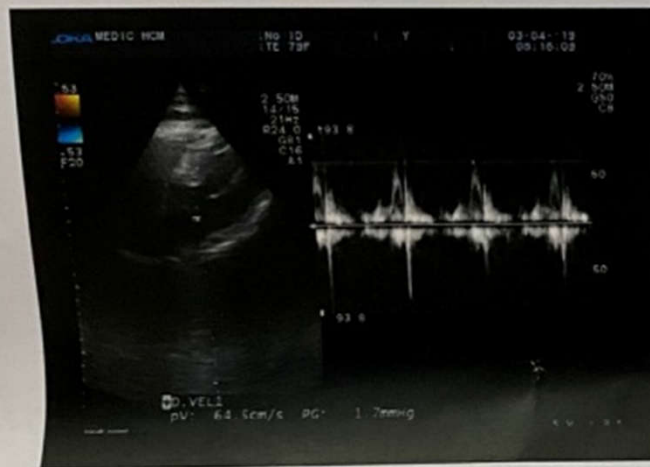
Chức năng tâm thu thất phải TAPSE = 20 mm

2- Van hai lá dày hờ 2/4. Van ĐMC dày hờ 1/4

Tăng áp ĐMP nhẹ (PAPs=35mmHg)

Động mạch chủ ngực kích thước bình thường

3- Không tràn dịch màng tim.



**THEO DÕI BỆNH TIM THIỂU MÁU CỤC BỘ  
HỖ VẠN 2 LÁ 2/4, HỖ VẠN ĐMC 1/4  
THẤT TRÁI BẢO TỒN CHỨC NĂNG TÂM THU  
TĂNG ÁP LỰC ĐMP NHE DO BỆNH PHỔI MÃN**

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02/04/2021 08:26

R

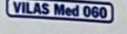
133-0367517-1U

MEDIC CITY HOSPITAL  
23/04/2022

**KTC:** XQ Lồng Ngực Thẳng [Film]

**KL:** Bệnh tim mạch do xơ động mạch  
và/hay cao huyết áp





CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
 KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
 Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
 254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
 Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
 Email: admin@medic-lab.com  
 www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 6367517 S.T.T: 3557  
 Ngày giờ đăng ký: 07:32:31 02/04/2021  
 Ngày giờ lấy mẫu: 07:48:58 02/04/2021

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
 (BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên:  Năm sinh: 1942 Phái: Nam ĐT:   
 Địa chỉ: K... NG  
 Đơn vị: Medic Loại mẫu: Máu/N.Tiêu  
 BS yêu cầu: NGUYỄN.Đ.LINH (PK.LÃO KHOA)

| TÊN XÉT NGHIỆM                                    | KẾT QUẢ        | KHOẢNG THAM CHIẾU                  | MÃ QT     |
|---------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|-----------|
| SGPT (ALT) <sup>1</sup>                           | <u>36.61 H</u> | (3 - 30 U/L)                       | QTSH013   |
| Uric Acid/Serum <sup>1</sup>                      | 6.64           | (M: 3.4-7.0; F: 2.4-5.7 mg/dL)     | QTSH014   |
| hs CRP                                            | 0.500          | (≤ 3 mg/L)                         | QTSH028   |
| Urea/ Serum <sup>1</sup>                          | 37.04          | (15 - 49 mg/dL)                    | QTSH002   |
| Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)                         | *              |                                    |           |
| Creatinin/Serum                                   | 0.830          | (M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL) | QTSH027   |
| eGFR (CKD-EPI)                                    | 84             | (≥ 90 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> ) |           |
| LDL Cholesterol                                   | <u>4.39 H</u>  | (< 3.60 mmol/L)                    | QTSH093   |
| Triglycerides <sup>1</sup>                        | 1.30           | (0.5 - 2.30 mmol/L)                | QTSH015   |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>                 |                |                                    |           |
| NT - ProBNP II                                    | <u>589.0 H</u> |                                    | QTMD172   |
| < 75 years old                                    | .              | (≤ 125 pg/mL)                      |           |
| ≥ 75 years old                                    | .              | (≤ 450 pg/mL)                      |           |
| P.S.A                                             | 2.89           | (< 4 ng/mL)                        | QTMD038   |
| TSH u.sensitive (3rd G) <sup>1</sup>              | 1.41           | (0.32 - 5 µIU/ml)                  | QTMD009   |
| Free T4                                           | 1.16           | (0.71 - 1.85 ng/dl)                | QTMD036   |
| A.F.P <sup>1</sup>                                | 2.25           | (< 20 ng/mL)                       | QTMD006   |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup>                | <u>150.0**</u> | (< 14 ng/L)                        | QTMD016.3 |
| <b>V. XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH ELISA - ELISA TEST</b> |                |                                    |           |
| Strongyloides stercoralis IgG                     | NEG 0.03 OD    | (< 0.2 OD; GRAYZONE: 0.2 - 0.3)    |           |
| Toxocara IgG (Elisa)                              | GZ 0.32 OD     | (< 0.25 OD; GRAYZONE: 0.25-0.35)   |           |

In lần 2 : 09:54:02 02/04/2021  
 Khoa Xét nghiệm

**ĐÃ KIỂM TRA**

**CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDIC**

ĐC : 254 Hòa Hảo, Phường 4, Q10  
ĐT : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn  
Số 1405/2021/GCT-YTHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số hồ sơ: 6367517  
Vào sổ chuyển tuyến số: 4

**GIẤY CHUYỂN TUYẾN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**

**Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA BÌNH DƯƠNG**

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA** trân trọng giới thiệu:  
Nam/Nữ : Nam Tuổi : 79

-Họ và tên người bệnh :

-Địa chỉ : Kp4, F

-Dân tộc : Kinh

-Nghề nghiệp : Cao tuổi

Số thẻ :

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|--|--|--|--|

Quốc tịch : Việt Nam

Nơi làm việc :

Hạn sử dụng: ...../...../20..... đến ...../...../20.....

Đã được khám bệnh/điều trị :

+ Tại: **CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA** (Tuyến ..... ) Ngày 02/04/2021

**TÓM TẮT BỆNH ÁN**

- Dấu hiệu lâm sàng : THÍNG THOẢNG TỨC NGỰC, KHÓ THỞ, MỆT

- Kết quả xét nghiệm, cận lâm sàng : TẮT CẢ KÈM THEO

- Chẩn đoán : THEO DÕI NHỒI MÁU CƠ TIM CẤP

- Phương pháp, thủ thuật, kỹ thuật, thuốc đã sử dụng trong điều trị :

CHƯA ĐIỀU TRỊ

- Tình trạng người bệnh lúc chuyển tuyến : Nhiệt độ: 37

- Lý do chuyển tuyến: Khoanh tròn vào lý do chuyển tuyến phù hợp sau đây :

1. Đủ điều kiện chuyển tuyến (đúng tuyến)

2. Không đủ điều kiện chuyển tuyến theo yêu cầu của người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh (vượt tuyến)

- Hướng điều trị : CẤP CỨU TIM MẠCH

- Chuyển tuyến hồi : 08:58 ngày 02/04/2021

- Phương tiện vận chuyển : BN VÀ VỢ CÓ XE, YÊU CẦU ĐI XE RIÊNG VÀ NHẬP BỆNH VIỆN ĐA KHOA BÌNH DƯƠNG

- Họ tên, chức danh, trình độ chuyên môn của người hộ tống :

**Y BÁC SĨ KHÁM, ĐIỀU TRỊ**

(Ký và ghi họ tên)

**NGUYỄN HẢO**  
BS. VU BÍCH ĐOÀN TRANG

Ngày 02 tháng 04 năm 2021

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHUYỂN TUYẾN**

(Ký tên, đóng dấu)

Cần hỗ trợ về Giấy Chuyển Tuyến  
Liên hệ: Phòng Hành Chính  
ĐT: (028) 39270284 số nội bộ 1080/1081

CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 6367517 S.T.T: 3560  
Ngày giờ đăng ký: 07:30:36 09/04/2021  
Ngày giờ lấy mẫu: 07:51:42 09/04/2021

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1)

Họ tên: **VƯƠNG VĂN TẾ** Năm sinh: **1942** Phái: **Nam** ĐT: **0973896964**  
Địa chỉ: **KP4, P. TÂN ĐỊNH, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG** Loại mẫu: **Máu**  
Đơn vị: **Medic** BS yêu cầu: **VŨ.B.D.TRANG (PK.TIM)**

| TÊN XÉT NGHIỆM                                            | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU                 | MÃ        |
|-----------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------|-----------|
| <b>I. HUYẾT HỌC / ĐÔNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION</b> |         |                                   |           |
| NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU) <sup>1</sup>                    | *       |                                   |           |
| WBC                                                       | 7.2     | (4.0-10.0) 10 <sup>9</sup> /L     | QTHH01    |
| % Neu                                                     | 64.7    | (40 - 74 %)                       |           |
| % Lym                                                     | 23.3    | (19 - 48 %)                       |           |
| % Mono                                                    | 7.7     | (3 - 9 %)                         |           |
| % Eos                                                     | 3.5     | (0 - 7 %)                         |           |
| % Baso                                                    | 0.8     | (0 - 1.5 %)                       |           |
| # Neu                                                     | 4.7     | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L    |           |
| # Lym                                                     | 1.7     | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L    |           |
| # Mono                                                    | 0.6     | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L    |           |
| # Eos                                                     | 0.3     | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L      |           |
| # Baso                                                    | 0.1     | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L      |           |
| RBC                                                       | 4.71    | (3.80 - 5.60) 10 <sup>12</sup> /L | QTHH021   |
| Hb                                                        | 13.8    | (12 - 18 g/dL)                    | QTHH020   |
| Hct                                                       | 40.1    | (35 - 52 %)                       |           |
| MCV                                                       | 85.2    | (80 - 97 fL)                      |           |
| MCH                                                       | 29.4    | (26 - 32 pg)                      |           |
| MCHC                                                      | 34.5    | (31 - 36 g/dL)                    |           |
| RDW                                                       | 13.8    | (11.0 - 15.7%)                    |           |
| PLT                                                       | 255     | (130 - 400) 10 <sup>9</sup> /L    | QTHH022   |
| MPV                                                       | 8.1     | (6.30 - 12.0 fL)                  |           |
| <b>II. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b>                        |         |                                   |           |
| hs CRP                                                    | 2.06    | (≤ 3 mg/L)                        | QTSH028   |
| <b>III. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>                        |         |                                   |           |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup>                        | 38.80 H | ( $< 14$ ng/L)                    | QTMD016.3 |

In lần 1 : 08:19:23 09/04/2021  
Khoa Xét nghiệm

CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 6367517 S.T.T: 615  
Ngày giờ đăng ký: 12:45:05 03/05/2021  
Ngày giờ lấy mẫu: 12:51:56 03/05/2021

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: **VƯƠNG VĂN TẾ** Năm sinh: **1942** Phái: **Nam** ĐT: **0973816964**  
Địa chỉ: **KP4, P. TÂN ĐỊNH, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG** Loại mẫu: **Máu**  
Đơn vị: **Medic** BS yêu cầu: **VŨ.B.D.TRANG (PK.TIM)**

| TÊN XÉT NGHIỆM                     | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU | MÃ QT     |
|------------------------------------|---------|-------------------|-----------|
| <b>I. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b>  |         |                   |           |
| CPK-MB (Abbott)                    | 1.00    | ( $< 7$ ng/ml)    | QTSH073   |
| hs CRP                             | 0.230   | ( $\leq 3$ mg/L)  | QTSH028   |
| <b>II. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>  |         |                   |           |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup> | 12.80   | ( $< 14$ ng/L)    | QTMD016.3 |

In lần 1 : 13:20:50 03/05/2021  
Khoa Xét nghiệm

*Trần*  
BS. Nguyễn Bảo Toàn

### III. CA LÂM SÀNG 3

QR code kết quả chữa bệnh an toàn quý khách. Medic không chịu trách nhiệm nếu quý khách cung cấp cho người khác.

**PHIẾU KHÁM BỆNH**  
KHOA TỔNG QUÁT - PHÒNG: 9

Xin ưu tiên - Đợt này

Họ tên: [Redacted] Năm sinh: 1980 - Nữ  
Địa chỉ: [Redacted] ĐT: [Redacted]  
Nghề nghiệp: buôn bán Số thẻ BHYT: [Redacted]

Huyết áp: 186/120; Mạch: 80; Nhiệt độ: 37 °C; Chiều cao: 158 cm; Cân nặng: 68 kg;  
Lý do khám: TĂNG HUYẾT ÁP - NGÓN TAY BẬT  
Lâm sàng: BỆNH TÌNH, DA NIÊM HỒNG, TIM ĐỀU RỖ, PHỔI TRONG, BỤNG MỀM  
Chẩn đoán sơ bộ:

**CHỈ ĐỊNH:**  
1. SIÊU ÂM (2): SA Bụng Tổng Quát Màu ; SA Doppler Mạch Máu Thận  
2. ĐIỆN CHẨN ĐOÁN (1): Điện tâm đồ (ECG)  
3. KHÁM BỆNH (1): Khám Tổng Quát

**XÉT NGHIỆM:**

| Giờ | Người lấy mẫu           |
|-----|-------------------------|
| --- | ĐÃ XÉT NGHIỆM<br>M. Cẩm |

TỔNG SỐ XÉT NGHIỆM: 19  
☐ Máu ☐ Nước tiểu ☐ Đám ☐ Phân ☐ Dịch ☐ Khác

|               |                          |                     |                          |
|---------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|
| hsCRP         | LDL.C                    | Ion đồ chung        | Free T4                  |
| NFS (C.B.C)   | Tổng Phân Tích Nước Tiểu | HBsAg (Định Tính)   | HbA1C                    |
| Glucose (FPG) | ALT (SGPT)               | Anti HCV (Thế hệ 3) | Troponin - I hs          |
| AST (SGOT)    | Creatinine/máu (eGFR)    | Anti HBs            | Cortisol / Máu           |
| Urea / BUN    | Triglycerides            | TSH (Thế hệ 3)      | Microalbumin / nước tiểu |

**CĐ BỔ SUNG:** Dùng ứng dụng mobile banking quét QRCode để thanh toán: (Số HD: 319557, Số tiền: 1,885,000)

DD. NGUYỄN THỊ HÀ

BS. CKI. HUỖNH TRÁC LUÂN

BS. Đoàn Thị Ngọc Đào

ĐĂNG THỊ HẠNH QUYÊN  
643  
1980 F 30/05/2022  
PID:6868507

XIN ƯU TIÊN

Ngày 30 tháng 05 năm 2022 - 11:03  
Bác sĩ

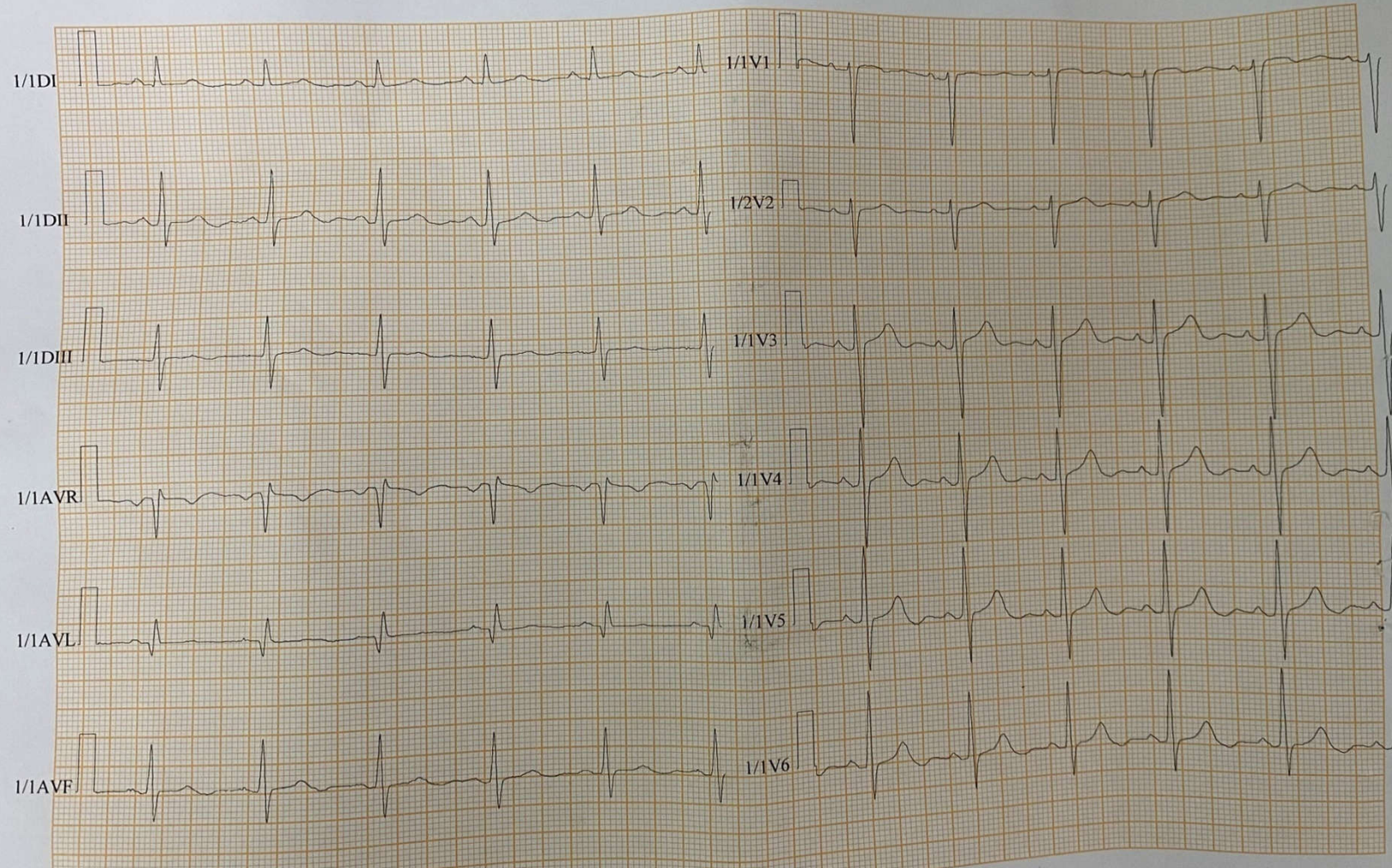
ĐIỆN TÂM ĐỒ - ĐIỆN TOÁN TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA MEDIC, 254 HÒA HẢO QUẬN 10 TP HCM

Họ tên :   
 Cao : 158    Nặng : 68    HA : 153/95  
Chỉ định : - OSAT

Mã BN : 6868507-551  
Tốc độ : 25mm/s

Tuổi : 42  
Ngày : 30/ 5/2022

Giới tính : F  
Giờ : 11:38



KẾT LUẬN : THEO DÕI TĂNG GÁNH THẤT TRÁI. ≠ THIỂU NĂNG VÀNH



## KẾT QUẢ SIÊU ÂM TIM MÀU

Máy : ALOKA -ProSound α6

: 6868507

Ngày ĐK: 30/05/2022 14:29

và tên :

a chỉ :

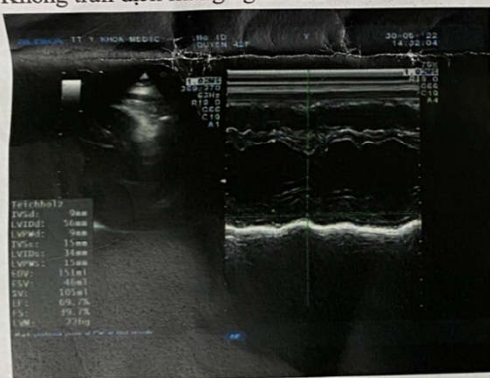
m sàng :

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TIM MÀU

1- Thất trái dẫn nhẹ, các buồng tim khác trong giới hạn bình thường LVDd= 56mm  
Vách liên thất vận động nghịch thường. Chức năng tâm thu thất trái bảo tồn EF= 70%(Teichholz)  
Chức năng tâm thu thất phải bình thường TAPSE= 22mm

2- Van hai lá dày, hở 1/4. Van động mạch chủ bình thường  
(PAPs=28mmHg)  
Động mạch chủ ngực kích thước bình thường.

3- Không tràn dịch màng ngoài tim.



**KẾT LUẬN:** TIM CÓ NGOẠI TÂM THU  
THEO DÕI BỆNH TIM THIẾU MÁU CỤC BỘ  
THẤT TRÁI DẪN NHẸ BẢO TỒN CHỨC NĂNG TÂM THU  
HỞ VAN 2 LÁ 1/4.

**Đề nghị:**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/05/2022 14:33

BS. CKI. NGUYỄN TUYẾT VÂN

CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MED/C-LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1122  
Email: hoahao@mediclab.com  
medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6868507 S.T.T: 643  
Ngày giờ đăng ký: 11:08:29 30/05/2022  
Ngày giờ lấy mẫu: 11:15:00 30/05/2022  
Ngày giờ nhận mẫu: 11:15:00 30/05/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted] Phái: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 1980 Quốc tịch:  
Số CCCD/Hộ chiếu: [Redacted] DT: [Redacted]  
Địa chỉ: 81/9 A Tô 5, Ấp 6, X. Xuân Thới Sơn, H. Hóc Môn, Tp.hcm  
Đơn vị: Medic  
Nơi lấy mẫu: BS yêu cầu: HUỖNH.T.LUÂN (PK.TQ)/ 9  
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                                                        | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU                | MÃ QT   |
|-----------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------|---------|
| <b>I. HUYẾT HỌC / ĐÔNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION</b>             |         |                                  |         |
| HbA1c (HPLC):                                                         | *       |                                  | QTSH012 |
| HbA1c (IFCC)                                                          | 37.16   | (21.3 - 47.5 mmol/mol)           |         |
| HbA1c (NGSP)                                                          | 5.55    | (4.10 - 6.50 %A1C)               |         |
| NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU):                                            | *       |                                  |         |
| WBC                                                                   | 8.13    | (4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L     | QTHH019 |
| % Neu                                                                 | 56.7    | (40 - 74 %)                      |         |
| % Lym                                                                 | 29.5    | (19 - 48 %)                      |         |
| % Mono                                                                | 5.4     | (3 - 9 %)                        |         |
| % Eos                                                                 | 7.9     | (0 - 7 %)                        |         |
| % Baso                                                                | 0.5     | (0 - 1.5 %)                      |         |
| # Neu                                                                 | 4.61    | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Lym                                                                 | 2.40    | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Mono                                                                | 0.44    | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Eos                                                                 | 0.64 H  | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| # Baso                                                                | 0.04    | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| RBC                                                                   | 4.61    | (3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L | QTHH020 |
| Hb                                                                    | 13.8    | (12 - 18 g/dL)                   | QTHH025 |
| Hct                                                                   | 40.2    | (35 - 52 %)                      |         |
| MCV                                                                   | 87.2    | (80 - 97 fL)                     |         |
| MCH                                                                   | 29.9    | (26 - 32 pg)                     |         |
| MCHC                                                                  | 34.3    | (31 - 36 g/dL)                   |         |
| RDW                                                                   | 13.0    | (11.0 - 15.7 %)                  |         |
| PLT                                                                   | 223     | (130 - 400)10 <sup>9</sup> /L    | QTHH021 |
| MPV                                                                   | 10.1    | (6.30 - 12.0 fL)                 |         |
| <b>II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/URINE ANALYSIS</b> |         |                                  |         |
| URINARY ANALYSIS:                                                     | *       |                                  | QTVS044 |
| 1)Chemistry (Sinh Hóa):                                               | *       |                                  |         |
| Glucose                                                               | NEG     | (mmol/L)                         |         |
| Bilirubin                                                             | NEG     | (μmol/L)                         |         |
| Ketone                                                                | NEG     | (mmol/L)                         |         |

Lấy máu tại nhà:

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012  
2. Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm  
3. (\*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (\*\*) KQ báo động  
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

HS&g: [Redacted]

CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MED/C-LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1122  
Email: hoahao@mediclab.com  
medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6868507 S.T.T: 643  
Ngày giờ đăng ký: 11:08:29 30/05/2022  
Ngày giờ lấy mẫu: 11:15:00 30/05/2022  
Ngày giờ nhận mẫu: 11:15:00 30/05/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted] Phái: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 1980 Quốc tịch:  
Số CCCD/Hộ chiếu: [Redacted] DT: [Redacted]  
Địa chỉ: 81/9 A Tô 5, Ấp 6, X. Xuân Thới Sơn, H. Hóc Môn, Tp.hcm  
Đơn vị: Medic  
Nơi lấy mẫu: BS yêu cầu: HUỖNH.T.LUÂN (PK.TQ)/ 9  
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                                   | KẾT QUẢ        | KHOẢNG THAM CHIẾU                  | MÃ QT     |
|--------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|-----------|
| hs CRP                                           | 1.89           | (≤ 3 mg/L)                         | QTSH028   |
| Urea/ Serum <sup>1</sup>                         | 27.86          | (15 - 49 mg/dL)                    | QTSH002   |
| Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)                        | *              |                                    |           |
| Creatinin/Serum <sup>2</sup>                     | 0.540          | (M: 0.6 - 1.3; F:0.5 - 1.1 mg/dL)  | QTSH027   |
| eGFR (CKD-EPI)                                   | 116            | (≥ 90 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> ) |           |
| LDL Cholesterol <sup>2</sup>                     | 3.72 H         | (< 3.60 mmol/L)                    | QTSH093   |
| Triglycerides <sup>1</sup>                       | 0.870          | (0.5 - 2.30 mmol/L)                | QTSH015   |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>                |                |                                    |           |
| Cortisol/Blood/Morning <sup>2</sup>              | 12.52          | (6.20 - 19.40 μg/dL)               | QTMD033   |
| TSH 3-Ultra (Siemens) <sup>1</sup>               | 1.28           | (0.51 - 4.94 μIU/mL)               | QTMD009   |
| Free T4 <sup>2</sup>                             | 1.13           | (0.71 - 1.85 ng/dl)                | QTMD036   |
| HBsAg (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>      | NEG S/CO 0.260 | (Index <1; S/Co <1)                | QTMD017   |
| Anti HBs (Định lượng, quantitative) <sup>2</sup> | 18.48 H        | (≥ 10 mIU/mL)                      | QTMD123   |
| Anti HCV (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>   | NEG S/CO 0.140 | (S/Co < 1; Index < 1)              | QTMD018   |
| Troponin-I hs (Abbott) <sup>1</sup>              | 37.50 H        | (M < 34.2 ng/L, F < 15.6 ng/L)     | QTMD011.1 |

In lần 1 : 12:03:21 30/05/2022  
Khoa Xét nghiệm

[Signature]

|                                     |         |                                 |           |
|-------------------------------------|---------|---------------------------------|-----------|
| Loại mẫu: Máu                       |         | Tình trạng mẫu: Đạt             |           |
| TÊN XÉT NGHIỆM                      | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU               | MÃ QT     |
| I. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY           |         |                                 |           |
| Troponin-I hs (Abbott) <sup>1</sup> | 37.80 H | (M < 34.2 ng/L, F < 15.6 ng/L ) | QTMD011.1 |

In lần 1 : 15:54:21 30/05/2022  
Khoa Xét nghiệm

ĐĂNG THỊ HẠNH QUYÊN  
993 1980 F 06/06/2022  
PID: 8868507



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext: 1134) - Fax: (028) 3927 1222  
haomediclab@gmail.com  
lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6868507  
Ngày giờ đăng ký:  
Ngày giờ lấy mẫu:  
Ngày giờ nhận mẫu: 12:11:00 06/06/2022

S.T.T: 993  
12:06:03 06/06/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted]  
Ngày tháng năm sinh: 1980  
Số CCCD/Hộ chiếu:  
Địa chỉ: 81/9 A Tổ 5, Ấp 6, X. Xuân Thới Sơn, H. Hóc Môn, Tp.hcm  
Đơn vị: Medic  
Nơi lấy mẫu:  
Loại mẫu: Máu

Phái: Nữ

Quốc tịch:

ĐT: [Redacted]

BS yêu cầu: VŨ.B.Đ.TRANG (PK.TIM)

Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                   | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU              | MÃ QT     |
|----------------------------------|---------|--------------------------------|-----------|
| <b>I. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b> |         |                                |           |
| Troponin-I hs (Abbott)           | 32.50 H | (M < 34.2 ng/L, F < 15.6 ng/L) | QTMD011.1 |

In lần 1 : 12:36:32 06/06/2022  
Khoa Xét nghiệm

*Tran*

ThS.BS. Nguyễn Bảo Toàn

VILAS Med 060



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (028) 3927 1224  
ahaomediclab@gmail.com  
ic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 6868507  
Ngày giờ đăng ký:  
Ngày giờ lấy mẫu:  
Ngày giờ nhận mẫu:

S.T.T: 799  
12:23:51 13/06/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1- Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên: [Redacted]  
Ngày tháng năm sinh: 1980  
Số CCCD/Hộ chiếu:  
Địa chỉ: 81/9 A Tổ 5, Ấp 6, X. Xuân Thới Sơn, H. Hóc Môn, Tp.hcm  
Đơn vị: Medic  
Nơi lấy mẫu:  
Loại mẫu: Máu

Phái: Nữ  
Quốc tịch:  
ĐT: [Redacted]

BS yêu cầu: VŨ.B.D.TRANG (PK.TIM)  
Tình trạng mẫu: Đạt

| TÊN XÉT NGHIỆM                     | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU | MÃ QT     |
|------------------------------------|---------|-------------------|-----------|
| <b>I. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b>  |         |                   |           |
| hs CRP                             | 1.20    | (≤ 3 mg/L)        | QTSH028   |
| <b>II. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>  |         |                   |           |
| CPK-MB (Abbott)                    | 0.980   | (< 7 ng/ml)       | QTSH073   |
| Troponin-T hs (Roche) <sup>1</sup> | <3.00   | (< 14 ng/L)       | QTMD016.3 |

In lần 1 : 12:57:02 13/06/2022  
Khoa Xét nghiệm

ThS.BS. Nguyễn Bảo Toàn

Lấy máu tại nhà:  
0707 032 052

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

- Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012
- Xét nghiệm đã tham gia ngoại kiểm
- (\*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (\*\*) KQ bảo động
- KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

H Standards Low

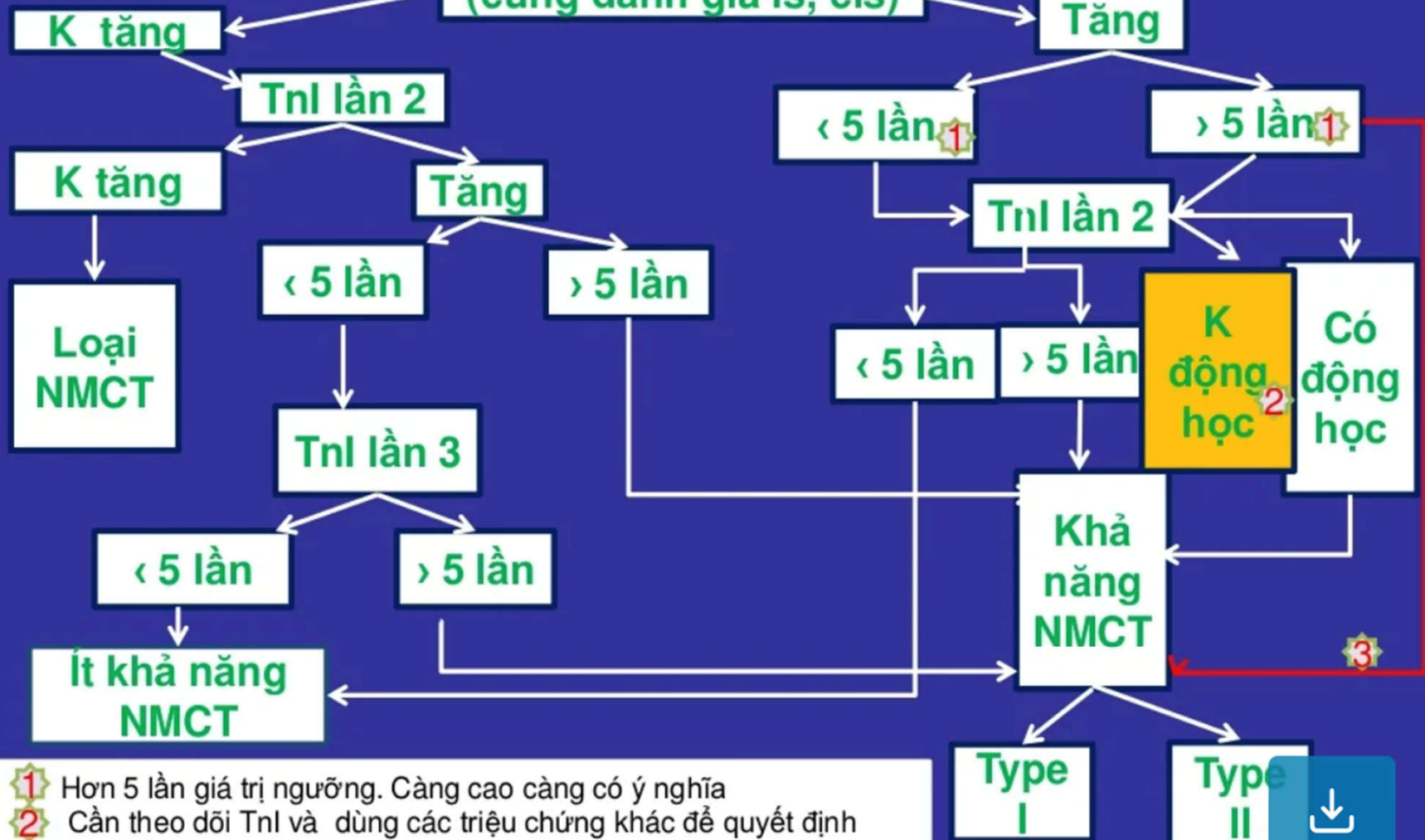
# TĂNG MEN TIM TROPONIN KHÔNG DO NMCT

| CHẨN DOÁN                                     | CƠ CHẾ                                          |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Thiếu máu do cung cầu                         |                                                 |
| Nhiễm trùng/ hội chứng đáp ứng viêm toàn thân | Cơ tim suy yếu / mất cân bằng cung cầu          |
| Tụt huyết áp                                  | Áp lực tưới máu giảm                            |
| Tụt thể tích                                  | Áp lực đổ đầy giảm, cung lượng tim giảm         |
| Nhịp nhanh trên thất/ rung nhĩ                | Mất cân bằng cung cầu                           |
| Dày thất trái                                 | Thiếu máu dưới nội mạc                          |
| Thiếu máu cục bộ cơ tim                       |                                                 |
| Co thắt mạch vành                             | Thiếu máu cục bộ cơ tim kéo dài, hoại tử cơ tim |
| Xuất huyết nội não hoặc đột quy               | Mất cân bằng hệ thần kinh tự chủ                |
| Dùng thuốc cường giao cảm                     | Ảnh hưởng giao cảm trực tiếp                    |

|                                 |                                |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Tổn thương cơ tim trực tiếp     |                                |
| Vết thương tim                  | Chấn thương                    |
| Chuyển nhịp tim trực tiếp       | Chấn thương                    |
| Bệnh tim thâm nhiễm             | Đè nén cơ tim                  |
| Thuốc hóa trị                   | Độc cơ tim                     |
| Viêm cơ tim                     | Viêm                           |
| Viêm màng ngoài tim             | Viêm                           |
| Ghép tim                        | Viêm/ qua trung gian miễn dịch |
| Tăng gánh cơ tim                |                                |
| Suy tim sung huyết              | Tăng gánh thành cơ tim         |
| Thuyên tắc phổi                 | Tăng gánh thất phải            |
| Tăng áp phổi hoặc khí phế thũng | Tăng gánh thất phải            |
| Gắng sức quá mức                | Tăng gánh thất                 |
| Suy thận mạn                    | Không rõ                       |

Nghi ngờ HCMV/ nằm hs, cấp cứu  
(đau ngực, khó thở, rối loạn huyết động)

Thử troponin I  
(cùng đánh giá Is, cIs)



- 1 Hơn 5 lần giá trị ngưỡng. Càng cao càng có ý nghĩa
- 2 Cần theo dõi TnI và dùng các triệu chứng khác để quyết định
- 3 Tăng rất cao, có khả năng NMCT

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thực hành sử dụng hs-TROPONIN trong chẩn đoán hội chứng mạch vành cấp. BS Nguyễn Thanh Hiền. (Slideshare.net)
- Chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp với hs-cTnl; TS-BS Huỳnh Hồ Quang Trí- Viện tim TP HCM (VientimtpHCM.vn)
- HƯỚNG DẪN CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ HỘI CHỨNG MẠCH VÀNH CẤP, (Ban hành kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-BYT, ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
- Circulation. 2015; 131: 2041-2050. DOI: 0.1161 / CIRCULATIONAHA.114.014245.
- European Heart Journal (2015) 33, 2252-2257
- Apple\_Clin Chem 2012 58 (11) page 54-61
- Hamm\_EHJ 2011, 32 tr, 2999-3054

A white rectangular card is positioned in the center-right of the frame. It features the words "thank you!" in a gold-colored, elegant script font. The card is surrounded by numerous glass marbles in various shades of blue, green, and white. The marbles are scattered across the surface, with some in sharp focus and others blurred in the background, creating a bokeh effect. The overall composition is bright and cheerful, with a soft, natural light illuminating the scene.

thank  
you!



# KẾT QUẢ: HSTNI ĐÁNH GIÁ ĐÚNG TROPONIN TIM HƠN CÁC XN KHÁC

| Xét nghiệm                    | % BN RL chức năng thận với<br>kết quả Troponin > 99%ile<br>lúc nhập viện nhưng<br>KHÔNG phải do NMCT | % BN chức năng thận BÌNH<br>THƯỜNG với kết quả Troponin<br>> 99%ile lúc nhập viện nhưng<br>KHÔNG phải do NMCT |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Abbott hsTnI                  | 17%                                                                                                  | 6%                                                                                                            |
| Roche hsTnT                   | 71%                                                                                                  | 15%                                                                                                           |
| Siemens hsTnI<br>(đang n/cứu) | 46%                                                                                                  | 23%                                                                                                           |
| Beckman hsTnI<br>(đang n/cứu) | 54%                                                                                                  | 21%                                                                                                           |
| Abbott cTni                   | 12%                                                                                                  | 7%                                                                                                            |
| Siemens Ultra-sTnI            | 20%                                                                                                  | 7%                                                                                                            |
| Beckman Accu sTnI             | 12%                                                                                                  | 7%                                                                                                            |

THỰC HÀNH SỬ  
DỤNG Hs-  
**TROPONIN** TRONG  
CHẨN ĐOÁN HỘI  
CHỨNG MẠCH  
VÀNH CẤP

**Bs Nguyễn  
Thanh Hiền.**

BVND 115



(Circulation. 2015;131:2041-2050. DOI: 0.1161/CIRCULATIONAHA.114.014245.)

Nhìn vào bảng này có thể thấy xét nghiệm hs-cTnI Abbott ARCHITECT có nhiều ưu điểm như giới hạn phát hiện thấp và tỉ lệ đo được các trị số cao hơn giới hạn phát hiện lên đến 96%. Điều này giải thích vì sao **xét nghiệm hs-cTnI Abbott ARCHITECT** hiện được **ura chuộng trong thực hành lâm sàng**.

**Bảng 1: Đặc điểm của các xét nghiệm hs-cTn đang được dùng trong lâm sàng**

| Xét nghiệm                                  | Giới hạn phát hiện (ng/l) | Tỉ lệ đo được các trị số cao hơn giới hạn phát hiện (%) | Bách phân vị 99 theo giới (ng/l) | Hệ số biến thiên ở bách phân vị 99 (%) |
|---------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|
| Xét nghiệm troponin I độ nhạy cao (hs-cTnI) |                           |                                                         |                                  |                                        |
| Abbott Architect                            | 1,1-1,9                   | 96                                                      | Nữ: 16<br>Nam: 34                | < 6                                    |
| Beckman Coulter<br>Access                   | 2,1                       | 80                                                      | Nữ: 9<br>Nam: 11                 | < 9                                    |
| Ortho-Clinical<br>Diagnostics Vitros        | 1,0                       | 75                                                      | Nữ: 16<br>Nam: 19                | < 7                                    |
| Siemens Vista                               | 0,8                       | 86                                                      | Nữ: 33<br>Nam: 55                | < 5                                    |
| Xét nghiệm troponin T độ nhạy cao (hs-cTnT) |                           |                                                         |                                  |                                        |
| Roche e601                                  | 2,0                       | 25                                                      | Nữ: 14<br>Nam: 22                | < 8                                    |

**Chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp với hs-cTnI**  
**TS – BS Hồ Huỳnh Quang Trí**  
**– Viện Tim TP HCM**

# TROPONIN TRONG SUY THẬN VÀ CHẠY THẬN NHÂN TẠO.

## Chẩn đoán NMCT/ BN suy thận và chạy thận nhân tạo

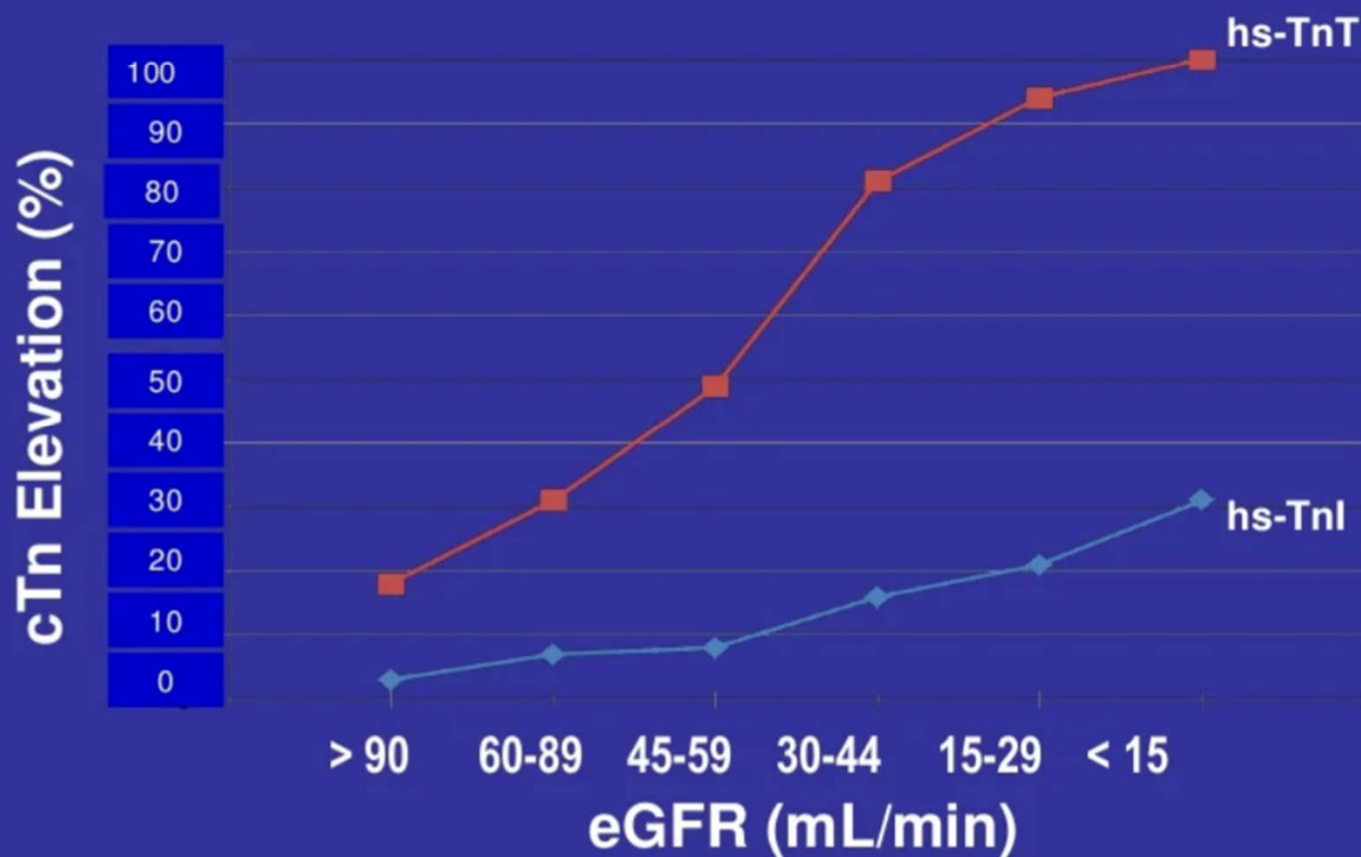
- Tiêu chuẩn chẩn đoán tương tự như BN không suy thận (*troponin tăng và sóng Q mới trên ECG là rất có ý nghĩa*).
- Sử dụng thêm tiêu chuẩn hình ảnh khi cần (SAT...)
- Lưu ý:
  - Biến đổi ECG có thể do hậu quả rối loạn điện giải.
  - Sử dụng Troponin (*thường dùng troponin I > T*). Nên thử nhiều lần. Nếu không có thay đổi, chứng tỏ không phải tổn thương cơ tim mới.

Freda.BJ et al: cardiac troponins in renal insufficiency: review and clinical implications. JACC. 2002; 40: 2065-2071.

Zipes. DJ et al: Braunwald's heart disease. 8<sup>th</sup> 2008: p: 2162-2163.



# TROPONIN I ÍT BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI BỆNH LÝ THẬN



Slide courtesy of Prof. Aw Tar Choon, Changi General Hospital, Singapore  
TSIC symposium 2014, Hochiminh city, Vietnam



Các thông số thang điểm GRACE để phân tầng nguy cơ bệnh nhân bị HCMVC không có ST chênh lên

| Thông số           | Điểm                     |
|--------------------|--------------------------|
| Tuổi cao           | 1,7 cho mỗi 10 tuổi      |
| Phân độ Killip     | 2,0 cho mỗi độ           |
| Huyết áp tâm thu   | 1,4 cho mỗi 20 mm Hg     |
| ST-thay đổi        | 2,4                      |
| Có ngừng tuần hoàn | 4,3                      |
| Mức creatinine     | 1,2 cho mỗi 1-mg/dL ↑    |
| Men tim tăng       | 1,6                      |
| Nhịp tim           | 1,3 cho mỗi 30-nhịp/phút |

Trong thực hành, để tính điểm theo thang điểm này một cách nhanh nhất có thể tham khảo công cụ trên website: [www.outcomes.org/grace](http://www.outcomes.org/grace).

**a) Nhóm nguy cơ rất cao (tỷ lệ tử vong và các biến cố tim mạch rất cao nếu**

- không được xử trí kịp thời). Nhóm này có chỉ định về chiến lược can thiệp cấp cứu trong
- vòng 2 giờ từ khi xác định chẩn đoán.
- - Rối loạn huyết động hoặc sốc tim
- - Đau ngực tái phát/tiến triển không đáp ứng với thuốc
- - Rối loạn nhịp đe dọa tính mạng hoặc ngừng tim
- - Biến chứng cơ học của NMCT
- - Suy tim cấp
- - Biến đổi động học của ST và T

**b) Nhóm nguy cơ cao, chiến lược can thiệp sớm trong vòng 24 giờ.**

- - Chẩn đoán xác định NMCT không ST chênh lên dựa trên Troponin tim-
- - Thay đổi động học của ST hoặc T (có triệu chứng hoặc im lặng)
- - Điểm GRACE > 140

**c) Nhóm nguy cơ vừa, chiến lược can thiệp (có thể trì hoãn) trong vòng 72 giờ.**

- - Đái tháo đường hoặc suy thận
- - LVEF < 40% hoặc suy tim sung huyết
- - Đau ngực sớm sau nhồi máu hoặc tiền sử PCI/CABG
- - Điểm GRACE > 109 và <140 hoặc triệu chứng tái phát/thiếu máu cơ tim trên
- thăm dò không xâm lấn

**d) Nhóm nguy cơ thấp, nhóm này có thể áp dụng chiến lược điều trị bảo tồn**

- **hoặc có thể xét can thiệp tùy theo điều kiện và kinh nghiệm của trung tâm.**
- - Đau ngực:
- + Có một cơn đau ngực ngắn khi nghỉ.
- + Khi gắng sức.
- - Không có các dấu hiệu như của các nhóm nguy cơ trên.